

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**CHƯƠNG TRÌNH KHUNG
GIÁO DỤC ĐẠI HỌC**

KHỐI NGÀNH KHOA HỌC SỨC KHỎE

**NGÀNH ĐÀO TẠO: VẬT LÝ TRỊ LIỆU
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO : ĐẠI HỌC**

HÀ NỘI – 2012

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

- **Trình độ đào tạo:** Đại học
- **Ngành đào tạo:** Vật lý trị liệu (Physical Therapy)
- **Mã ngành đào tạo:** 52720333

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 01 /2012/TT - BGDĐT
ngày 13 tháng 01 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo Cử nhân Vật lý trị liệu có y đức, có kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, kiến thức và kỹ năng về chuyên môn, nghiệp vụ ngành học ở trình độ đại học; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, tự học và nghiên cứu khoa học đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Về Thái độ

- Tận tụy với sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, hết lòng phục vụ người bệnh.
- Khiêm tốn học tập, chân thành hợp tác với đồng nghiệp.
- Trung thực, khách quan, nghiêm túc trong công việc chuyên môn.

Về Kiến thức

- Có kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, nguyên lý kỹ thuật- công nghệ và kiến thức chuyên môn ngành học để giải quyết độc lập, sáng tạo các vấn đề thuộc ngành Vật lý trị liệu.
- Hiểu biết các nguyên lý, qui tắc, quy trình vận hành, bảo quản, bảo dưỡng một số loại trang thiết bị thuộc ngành Kỹ thuật Vật lý trị liệu;

- Có kiến thức về phương pháp luận khoa học trong thực hành kỹ thuật, học tập, nghiên cứu khoa học.
- Hiểu biết về pháp luật và các chính sách về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ nhân dân.

Về Kỹ năng

- Thực hiện được các kỹ thuật khám - lượng giá Vật lý trị liệu trong các trường hợp bệnh lý thông thường và phức tạp.
- Thiết lập được mục tiêu, kế hoạch điều trị bằng phương pháp Vật lý trị liệu và tiên lượng phục hồi phù hợp trên từng trường hợp bệnh cụ thể.
- Thực hiện thành thạo các kỹ thuật Vật lý trị liệu thông thường và các kỹ thuật Vật lý trị liệu chuyên sâu
 - Có khả năng làm việc theo nhóm phục hồi và phối hợp với các thành viên trong nhóm để nghiên cứu khoa học và thực hiện các kế hoạch phục hồi cho bệnh nhân.
 - Chuyển giao kiến thức và kỹ năng chuyên ngành cho người bệnh và người nhà bệnh nhân.
 - Sử dụng thành thạo và bảo quản các trang thiết bị trong khoa Vật lý trị liệu, thích ứng được với các trang thiết bị hiện đại dựa trên nền tảng công nghệ thông tin.
 - Tham gia nghiên cứu khoa học và tiếp cận thông tin từ nhiều nguồn, nhiều hình thức khác nhau.
 - Tham gia đào tạo và tự đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

2. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Khối lượng kiến thức tối thiểu và thời gian đào tạo.

- ***Khối lượng kiến thức tối thiểu:*** 202 đơn vị học trình (đvht), chưa kể phần nội dung Giáo dục thể chất (5đvht) và Giáo dục quốc phòng – an ninh (11 đvht)

- ***Thời gian đào tạo:*** 4 năm.

2.2. Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo.

TT	Khối lượng học tập	ĐVHT
1	Kiến thức Giáo dục đại cương tối thiểu (chưa kể phần nội dung Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – an ninh)	43
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp tối thiểu, trong đó:	
	Kiến thức cơ sở của ngành	25
	Kiến thức ngành (kể cả chuyên ngành)	73
	Kiến thức bổ trợ (tự chọn)	45
	Thực tế tốt nghiệp	06
	Thi tốt nghiệp hoặc khóa luận	10
Tổng cộng		202

3. KHỐI KIẾN THỨC BẮT BUỘC

3.1. Danh mục các học phần bắt buộc

3.1.1. Kiến thức giáo dục đại cương: 41 đvht (39 LT - 02 TH)

TT	Tên môn học/ học phần	Đơn vị học trình		
		TC	LT	TH
Các môn chung				
1.	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin	8	8	0
2.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	3	0
3.	Đường lối CM của Đảng CSVN	4	4	0
4.	Ngoại ngữ	10	10	0
5.	Tin học đại cương	2	1	1
6.	Giáo dục thể chất*	5*		
7.	Giáo dục quốc phòng – an ninh*	11*		
Các môn cơ sở khối ngành				
8.	Xác suất – Thống kê y học	2	2	0
9.	Hóa học	2	2	0

TT	Tên môn học/ học phần	Đơn vị học trình		
		TC	LT	TH
10.	Sinh học và Di truyền	3	2	1
11.	Vật lý và Lý sinh	2	2	0
12.	Nghiên cứu khoa học	2	2	0
13.	Tâm lý y học – Đạo đức Y học	3	3	0
Tổng cộng		43*	39*	2*

* Chưa tính các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – an ninh

3.1.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp tối thiểu:

3.1.2.1 Kiến thức cơ sở ngành

25 đvht (19 LT - 06 TH)

TT	Tên môn học/ học phần	Đơn vị học trình		
		TC	LT	TH
1.	Giải phẫu	3	2	1
2.	Sinh lý	2	1	1
3.	Giải phẫu bệnh	2	1	1
4.	Sinh lý bệnh & Miễn dịch	2	1	1
5.	Hóa sinh	2	1	1
6.	Dược lý	2	2	0
7.	Điều dưỡng cơ bản – Cấp cứu ban đầu	2	1	1
8.	Bệnh học Nội khoa	2	2	0
9.	Bệnh học Ngoại khoa	2	2	0
10.	Sức khỏe môi trường	2	2	0
11.	Dịch tễ học và Các bệnh truyền nhiễm	1	1	0
12.	Tổ chức y tế -Chương trình y tế - Giáo dục sức khỏe	3	3	0
Tổng cộng		25	19	6

3.1.2.3. Kiến thức ngành (kể cả chuyên ngành)

73 đvht (29 LT- 44 TH)

TT	TÊN MÔN HỌC/ HỌC PHẦN	Tổng số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			LT	TH
1.	Giải phẫu chức năng	4	2	2
2.	Khoa học thần kinh	2	2	0
3.	Vận động học và sinh cơ học khớp/cơ	4	2	2
4.	Lượng giá chức năng	5	2	3
5.	Vận động trị liệu 1	3	2	1
6.	Vận động trị liệu 2	3	1	2
7.	Các phương thức điều trị Vật Lý trị liệu 1	2	1	1
8.	Các phương thức điều trị Vật Lý trị liệu 2	4	2	2
9.	Bệnh lý và VLTL hệ cơ - xương 1	5	2	3
10.	Bệnh lý và VLTL hệ cơ - xương 2	4	2	2
11.	Bệnh lý và VLTL hệ cơ - xương 3	2	1	1
12.	Bệnh lý và VLTL hệ tim mạch - hô hấp	5	2	3
13.	Bệnh lý và VLTL hệ thần kinh – cơ	5	2	3
14.	Bệnh lý và VLTL hệ da - tiêu hóa – tiết niệu - sinh dục - nội tiết	4	2	2
15.	Tổ chức & quản lý khoa Vật Lý Trị liệu – Phục Hồi Chức Năng- Kỹ năng giao tiếp chuyên ngành VLTL	2	2	0
16.	PHCN dựa vào cộng đồng	3	2	1
17.	Thực tập lâm sàng 1	4	0	4
18.	Thực tập lâm sàng 2	4	0	4
19.	Thực tập lâm sàng 3	4	0	4
20.	Thực tập lâm sàng 4	4	0	4
Tổng cộng		73	29	44

3.2. Mô tả nội dung các học phần bắt buộc

1. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 8 đvht

Nội dung ban hành kèm theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh 3 đvht

Nội dung ban hành kèm theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh

3. Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam 4 đvht

Nội dung ban hành kèm theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh

4. Ngoại ngữ 10 đvht

Gồm 3 học phần 1,2 và 3.

Đây là nội dung ngoại ngữ cơ bản nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, các kỹ năng giao tiếp thông dụng cùng vốn từ cần thiết cho giao tiếp chuyên ngành y; đồng thời có thể áp dụng để tham khảo một số tài liệu y văn về ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học. Yêu cầu đạt trình độ trung cấp đối với những sinh viên đó hoàn tất chương trình ngoại ngữ 07 năm của giáo dục phổ thông.

5. Tin học đại cương 2 đvht

Nội dung gồm một số vấn đề cơ bản về tin học và máy tính. Soạn thảo văn bản hoàn chỉnh bằng Word; sử dụng Excel hoặc FoxPro để nhập số liệu và làm các bài toán ứng dụng. Sử dụng các dịch vụ cơ bản của Internet.

6. Giáo dục thể chất

5 đvht

Nội dung ban hành kèm theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. Giáo dục quốc phòng -An ninh

11 đvht

Nội dung ban hành kèm theo Quyết định số 81/2007/QĐ-BGDĐT ngày 24/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình Giáo dục Quốc phòng - An ninh trình độ đại học, cao đẳng.

8. Xác suất - thống kê y học

2 đvht

Điều kiện tiên quyết: Tin học đại cương

Nội dung gồm kiến thức, kỹ năng cơ bản về xác suất và thống kê y học: Định nghĩa, định lý, công thức tính xác suất; Cách chọn mẫu, xác định cỡ mẫu; Xử lý được các số liệu thống kê; Ứng dụng các TEST thống kê phù hợp vào từng nghiên cứu; Sử dụng phần mềm để xử lý các thông tin Y học nhằm giúp cho công tác thống kê, báo cáo và nghiên cứu khoa học.

9. Hóa học

2 đvht

Nội dung gồm kiến thức cơ bản về hoá học, hoá hữu cơ, hoá phân tích và các ứng dụng công nghệ ý nghĩa y học của chúng. Giải thích được một số quá trình hóa học xảy ra trong cơ thể sống.

10. Sinh học và di truyền

3 đvht

Nội dung gồm kiến thức về sinh học phân tử, sinh học tế bào, sinh học phát triển; kiến thức về vai trò của di truyền y học, đặc điểm của các nhóm bệnh di truyền chính.

11. Vật lý và lý sinh

2 đvht

Điều kiện tiên quyết: Sinh học và di truyền, Hóa học

Nội dung gồm kiến thức, kỹ năng cơ bản về sự biến đổi năng lượng trên cơ thể sống; sự vận chuyển chất trong cơ thể; hiện tượng điện sinh học; quang sinh học; âm và siêu âm; phóng xạ sinh học. Các ứng dụng chính của các yếu tố vật lý lên cơ thể sống phục vụ mục đích bảo vệ môi trường và cơ thể.

12. Nghiên cứu khoa học

2 đvht

Điều kiện tiên quyết: Xác suất – thống kê y học.

Nội dung gồm kiến thức về các thiết kế nghiên cứu khoa học, đối tượng nghiên cứu, cách tính cỡ mẫu, tiêu chuẩn chọn mẫu, tiêu chuẩn loại ra, phương pháp lấy mẫu, thu thập số liệu, kiểm soát sai lệch, phân tích và xử lý số liệu.

13. Tâm lý y học và Đạo đức Y học

3 đvht

Nội dung gồm kiến thức cơ bản về Tâm lý và Tâm lý y học. Các nguyên lý cơ bản của đạo đức y học trong thực hành nghề nghiệp và nghiên cứu khoa học dựa trên các quy định chung của Việt Nam và Quốc tế.

14. Giải phẫu

3 đvht

Nội dung gồm những kiến thức về đặc điểm giải phẫu đại thể của các bộ phận, cơ quan trong cơ thể người; kiến thức về chức năng, hoạt động của các cơ quan và mối liên hệ với dấu hiệu lâm sàng.

15. Sinh lý

2 đvht

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu, lý sinh, hóa học

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về chức năng, hoạt động của cơ quan, hệ thống cơ quan và chức năng điều hoà trong mối liên hệ thống nhất giữa các cơ quan trong cơ thể, giữa cơ thể với môi trường bên ngoài

16. Giải phẫu bệnh

2 đvht

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu

Nội dung gồm những kiến thức cơ bản về những biến đổi hình thái học của tế bào và mô trong quá trình bệnh lý, mối quan hệ giữa hình thái và chức năng, giữa con người và môi trường sống.

17. Sinh lý bệnh - Miễn dịch

2 đvht

Điều kiện tiên quyết: Sinh lý

Nội dung gồm những kiến thức cơ bản về bệnh, bệnh nguyên, bệnh sinh, những rối loạn chức năng của các cơ quan trong quá trình bệnh lý

phổ biến; vai trò của hệ thống miễn dịch và những cơ chế rối loạn đáp ứng miễn dịch

18. Hóa sinh

2 đvht

Điều kiện tiên quyết: Hóa học

Nội dung gồm những kiến thức cơ bản và có hệ thống về hóa sinh, bao gồm: các sinh chất chủ yếu và chuyển hóa của chúng ở tế bào sống của cơ thể, các nguyên tắc và ý nghĩa của một số xét nghiệm hóa sinh lâm sàng thông thường.

19. Dược lý

2 đvht

Điều kiện tiên quyết: Sinh lý, Hóa sinh

Nội dung gồm kiến thức cơ bản về dược lý học tác dụng và cách sử dụng một số thuốc thông thường, tác dụng không mong muốn của thuốc và cách phòng ngừa nhằm sử dụng thuốc hợp lý, an toàn và hiệu quả.

20. Điều dưỡng cơ bản - cấp cứu ban đầu

2 đvht

Điều kiện tiên quyết: Dược lý; Tâm lý học và Đạo đức y học

Nội dung gồm kiến thức, kỹ năng cơ bản về chăm sóc người bệnh, sơ- cấp cứu ban đầu người bị nạn và các kỹ thuật tiêm, truyền..

21. Bệnh học Nội khoa

2 đvht

Điều kiện tiên quyết: Sinh lý bệnh - miễn dịch, Dược lý, Tâm lý học và Đạo đức y học

Nội dung gồm kiến thức cơ bản về nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, biến chứng và phương pháp phòng và xử trí một số bệnh nội khoa thường gặp.

22. Bệnh học Ngoại khoa

2 đvht

Điều kiện tiên quyết: Sinh lý bệnh - miễn dịch, Dược lý, Tâm lý học và y đức

Nội dung gồm kiến thức cơ bản về nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, biến chứng, phương pháp phòng và xử trí một số bệnh ngoại khoa thường gặp.

23. Sức khoẻ môi trường

2 đvht

Điều kiện tiên quyết: Các môn cơ sở ngành

Nội dung gồm kiến thức cơ bản về mối quan hệ giữa sức khoẻ, môi trường và bệnh tật. Các yếu tố nguy cơ của môi trường ảnh hưởng đến sức khoẻ và các biện pháp phòng chống.

24. Dịch tễ học và các bệnh truyền nhiễm

3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Các môn cơ sở ngành

Nội dung gồm kiến thức cơ bản về các yếu tố nguy cơ, diễn biến, các biện pháp phòng chống dịch và đặc điểm dịch tễ học một số bệnh truyền nhiễm thường gặp

25. Tổ chức y tế - Chương trình y tế quốc gia - Giáo dục sức khoẻ

3 đvht

Nội dung gồm hệ thống tổ chức mạng lưới y tế, các chương trình y tế quốc gia đang triển khai thực hiện, các kiến thức về truyền thông – giáo dục sức khoẻ và nâng cao sức khoẻ, các phương pháp, phương tiện truyền thông trong công tác giáo dục chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ nhân dân.

26. Giải phẫu chức năng

4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu và sinh lý.

Nội dung gồm các kiến thức về vị trí của cơ: nguyên ủy và bám tận, chức năng của một cơ hay nhóm cơ, thần kinh chi phối để điều khiển hoạt động chức năng của các nhóm cơ chi trên, chi dưới, cột sống và đầu mặt - cổ. Phân loại các loại khớp trong cơ thể và các chức năng hoạt động.

27. Khoa học thần kinh

2 đvht

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu, sinh lý, giải phẫu bệnh.

Nội dung gồm kiến thức về sự phát triển của hệ thần kinh và mối liên quan đến sự phát triển vận động, vai trò của hệ thần kinh trong chức năng vận động, chức năng cảm giác, hệ thính giác và thị giác, thần kinh vận động, cơ vân và sự kiểm soát của tủy sống. Các chức năng thần kinh cao cấp bao gồm chức năng ngôn ngữ, nhận thức và cử động hữu ý. Các

chứng đau do nguồn gốc thần kinh và sự tái sinh thần kinh sau tổn thương, ứng dụng các kiến thức vào lĩnh vực vật lý trị liệu và phục hồi.

28. Vận động học và sinh cơ học của khớp

4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu, sinh lý và giải phẫu chức năng.

Nội dung gồm các kiến thức và kỹ năng, nguyên tắc cơ học về lực và tư thế, cơ chế của cử động và nguyên tắc của đũa bẫy, các cử động xảy ra tại mỗi khớp trong cơ thể, các tư thế căn bản và tư thế biến thể. Giải thích sự vận động trên sinh cơ học của khớp.

29. Lượng giá chức năng

5 đvht

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu và giải phẫu chức năng

Nội dung gồm các kiến thức và kỹ năng của cách khám, lượng giá, cách thiết lập hồ sơ VLTL dựa trên sự phân loại của Tổ chức Y tế Thế giới.

Phương pháp thử cơ bằng tay và đo tầm vận động khớp ở chi trên, chi dưới, cột sống; mẫu dáng bộ bình thường, các chu kỳ của dáng đi và những sai lệch trong dáng bộ và dáng đi.

30. Vận động trị liệu 1

3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu, sinh lý và giải phẫu chức năng; lượng giá chức năng

Nội dung gồm kiến thức, kỹ năng và những nguyên lý cơ bản, chỉ định và chống chỉ định của các bài tập thô động, chủ động tập, chủ động tập trợ giúp, chủ động tập có lực kháng.

31. Vận động trị liệu 2

3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu, sinh lý và giải phẫu chức năng; lượng giá chức năng

Nội dung gồm kiến thức và kỹ năng kỹ thuật tạo thuận cảm thô bản thể thần kinh – cơ; kỹ thuật tập trên banh trị liệu, kỹ thuật tập chuỗi động đóng và chuỗi động mở, kỹ thuật isokinetic... , sử dụng các phương tiện trợ giúp như gậy, nạng, khung tập đi, xe lăn...

32. Các phương thức điều trị vật lý trị liệu 1 **2 đvht**

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu, sinh lý, giải phẫu chức năng và vật lý.

Nội dung gồm các kiến thức và kỹ năng về tác dụng, chỉ định, chống chỉ định của xoa bóp.

33. Các phương thức điều trị vật lý trị liệu 2 **4 đvht**

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu, sinh lý, giải phẫu chức năng và vật lý.

Nội dung gồm các tác dụng điều trị, tai biến và các biện pháp an toàn, chỉ định và chống chỉ định của các phương pháp điều trị bằng siêu âm, thấu nhiệt sóng ngắn, các dòng điện giảm đau, kích thích điện, laser trị liệu và ánh sáng trị liệu. Các phương pháp áp dụng nước trong điều trị và nhiệt trị liệu. Sử dụng và bảo quản máy mặc điện trị liệu, thủy và nhiệt trị liệu.

34. Bệnh lý và vật lý trị liệu cơ xương 1 **5 đvht**

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu, sinh lý và giải phẫu chức năng; sinh lý bệnh - miễn dịch, bệnh học nội khoa.

Nội dung gồm kiến thức và kỹ năng về bệnh nguyên, dấu hiệu lâm sàng, điều trị, biến chứng và tiên lượng cho các trường hợp gãy xương chi trên, chi dưới, cột sống và chấn thương đầu. Nguyên tắc khám và lượng giá Vật lý trị liệu cho các trường hợp gãy xương;. Ứng dụng các kiến thức và kỹ năng của các môn Vận động học - Vận động trị liệu, các phương thức điều trị VLTL trong điều trị gãy xương chi trên, chi dưới, cột sống và chấn thương đầu.

35. Bệnh lý và vật lý trị liệu cơ xương 2 **4 đvht**

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu, sinh lý, giải phẫu chức năng; sinh lý bệnh - miễn dịch, bệnh học nội khoa, bệnh học ngoại khoa.

Nội dung gồm kiến thức và kỹ năng về bệnh nguyên, dấu hiệu lâm sàng, điều trị, biến chứng và tiên lượng cho từng trường hợp bệnh lý chỉnh hình và chấn thương trong thể dục thể thao; Nguyên tắc khám và lượng giá

Vật lý trị liệu cho các khớp của chi trên, chi dưới và cột sống; nguyên tắc thực hiện kỹ thuật di động khớp (Joint Mobilization) trên từng khớp của cơ thể.

36. Bệnh lý và vật lý trị liệu cơ xương 3

2 đvht

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu, sinh lý, giải phẫu chức năng; sinh lý bệnh - miễn dịch, bệnh học nội khoa, bệnh học ngoại khoa.

Nội dung gồm kiến thức và kỹ năng điều trị VLTL thích hợp trong các trường hợp có vấn đề về cơ xương và chấn thương trong thể dục thể thao. Sơ cứu và cách phòng ngừa các tai nạn trong luyện tập thể dục thể thao và trong thi đấu.

37. Bệnh lý và Vật lý trị liệu hô hấp và tim mạch

5 đvht

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu, sinh lý, giải phẫu bệnh, sinh lý bệnh - miễn dịch

Nội dung gồm kiến thức và kỹ năng về bệnh nguyên, dấu hiệu lâm sàng, điều trị, biến chứng và tiên lượng cho từng trường hợp bệnh lý về hệ hô hấp và tim mạch. Nguyên tắc khám và lượng giá Vật lý trị liệu trong các trường hợp bệnh hệ hô hấp và tim mạch ở người lớn. Điều trị VLTL thích hợp trong các trường hợp bệnh hệ hô hấp và tim mạch.

38. Bệnh lý và Vật lý trị liệu hệ Thần kinh – Cơ

5 đvht

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu, sinh lý, giải phẫu bệnh, sinh lý bệnh - miễn dịch, khoa học thần kinh.

Nội dung gồm kiến thức và kỹ năng về bệnh nguyên, dấu hiệu lâm sàng, điều trị, biến chứng và tiên lượng cho từng trường hợp bệnh lý của hệ thần kinh – cơ; Nguyên tắc khám và lượng giá Vật lý trị liệu trong các trường hợp bệnh hệ thần kinh – cơ ở các lứa tuổi; Điều trị VLTL thích hợp trong các trường hợp bệnh lý hệ thần kinh – cơ ở các lứa tuổi.

39. Bệnh lý và VLTL hệ da - tiêu hóa - tiết niệu - sinh dục và nội tiết

4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu, sinh lý, giải phẫu bệnh, sinh lý bệnh-miễn dịch.

Nội dung gồm kiến thức và kỹ năng về bệnh nguyên, dấu hiệu lâm sàng, điều trị, biến chứng cho từng trường hợp bệnh lý của hệ da – tiêu hóa - tiết niệu – sinh dục và nội tiết; Nguyên tắc khám và lượng giá Vật lý trị liệu trong các trường hợp bệnh hệ da – tiêu hóa - tiết niệu – sinh dục và nội tiết bao gồm VLTL cho sản phụ trước và sau khi sanh; Điều trị VLTL thích hợp trong các trường hợp bệnh lý hệ da – tiêu hóa - tiết niệu – sinh dục và nội tiết.

40. Tổ chức và quản lý Khoa VLTL /PHCN

2 đvht

Nội dung gồm kiến thức về hệ thống tổ chức và quản lý ngành VLTL –PHCN từ trung ương đến địa phương ; chức trách và nhiệm vụ của các thành viên trong Khoa VLTL –PHCN; hoạt động của các thành viên trong nhóm phục hồi và cách tổ chức một khoa VLTL – PHCN ở các tuyến.

41. Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng

3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Các môn cơ sở của ngành

Nội dung gồm kiến thức và kỹ năng về hệ thống tổ chức và quản lý chương trình PHCN dựa vào cộng đồng của Việt Nam; cách phát hiện và phân loại 07 nhóm tàn tật tại cộng đồng; sử dụng sách huấn luyện PHCN dựa vào cộng đồng; các phương cách PHCN 07 nhóm tàn tật.

42. Thực tập lâm sàng 1

4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Các môn cơ sở ngành, kiến thức ngành

Nội dung gồm thực tập các kỹ thuật cơ bản về khám và lượng giá, áp dụng các kỹ thuật lượng giá chức năng và vận động trị liệu cơ bản trên bệnh nhân, sử dụng các dụng cụ và thiết bị Vật lý trị liệu tại các cơ sở thực tập; Kỹ năng giao tiếp với bệnh nhân và thân nhân người bệnh.

43. Thực tập lâm sàng 2

4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Thực tập lâm sàng 1

Nội dung gồm thực tập kỹ năng khám và lượng giá, thiết lập chương trình điều trị Vật lý trị liệu nhấn mạnh vào sự an toàn của bệnh nhân, kỹ năng giao tiếp và kỹ năng thực hiện các kỹ thuật Vật lý trị liệu trong việc lượng giá và điều trị bệnh nhân.

44. Thực tập lâm sàng 3

4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Thực tập lâm sàng 2

Nội dung gồm khám và lượng giá hoàn chỉnh các trường hợp bệnh thường gặp, thiết lập mục tiêu và chương trình điều trị Vật lý trị liệu thích hợp. Sử dụng các dụng cụ và trang thiết bị một cách thành thạo và áp dụng đúng các kỹ thuật điều trị Vật lý trị liệu; Hướng dẫn bệnh nhân và người thân người bệnh phương pháp dự phòng y học và chương trình tập tại nhà.

45. Thực tập lâm sàng 4

4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Thực tập lâm sàng 3

Nội dung gồm khám và lượng giá hoàn chỉnh các trường hợp bệnh thông thường và phức tạp, thiết lập mục tiêu và chương trình điều trị Vật lý trị liệu thích hợp. Sử dụng các dụng cụ và trang thiết bị một cách thành thạo và áp dụng thành thạo các kỹ thuật điều trị Vật lý trị liệu. Hướng dẫn bệnh nhân và thân nhân người bệnh phương pháp dự phòng y học và chương trình tập tại nhà.

4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH KHUNG ĐÀO TẠO NGÀNH CỬ NHÂN VẬT LÝ TRỊ LIỆU ĐỂ THIẾT KẾ CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC CỤ THỂ:

Chương trình khung giáo dục đại học là những quy định của nhà nước về cấu trúc, khối lượng và nội dung kiến thức cho từng ngành đào tạo.

4.1. Chương trình khung đào tạo ngành học Vật lý trị liệu trình độ đại học

Chương trình khung đào tạo ngành học Vật lý trị liệu được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và thực hiện ở tất cả các trường / khoa của các

đại học tham gia đào tạo ngành Vật lý trị liệu. Việc triển khai chi tiết thực hiện chương trình và giám sát chất lượng chuyên môn do Bộ Y tế chỉ đạo thực hiện.

Chương trình khung được xây dựng theo hướng đổi mới giáo dục đại học, tinh giản số giờ lý thuyết, dành nhiều thời gian cho sinh viên tự nghiên cứu, đọc tài liệu, thảo luận, làm các bài tập và thực hành tại cơ sở. Khối lượng kiến thức của chương trình đó được xác định phù hợp với khuôn khổ mà Bộ Giáo dục và Đào tạo đó quy định cho một chương trình giáo dục trình độ đại học 4 năm.

Trên cơ sở chương trình khung đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, các trường tổ chức xây dựng chương trình đào tạo, Hiệu trưởng trường phê duyệt chương trình đào tạo của trường.

Các trường tổ chức giảng dạy phải đảm bảo đủ khối lượng kiến thức tối thiểu đã quy định trong chương trình khung và đáp ứng đúng mục tiêu đào tạo với chất lượng và hiệu quả cao.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, các trường chủ động bố trí và điều chỉnh kế hoạch giảng dạy các môn học/học phần giữa các học kỳ trong toàn khóa học nhưng phải đảm bảo tính logic và hệ thống khối kiến thức trong chương trình, tuân thủ các điều kiện tiên quyết của từng môn học/học phần và các quy định hiện hành có liên quan.

Tuỳ theo điều kiện của từng trường, các trường lựa chọn và áp dụng phương pháp tổ chức giảng dạy phù hợp, nhưng cần thận trọng nghiên cứu chuẩn bị kỹ trước khi tổ chức thực hiện.

4.2. Phần kiến thức bổ trợ

Các trường có thể thiết kế phần kiến thức bổ trợ theo hướng:

- Bố trí các học phần kiến thức chuyên ngành thuộc ngành Vật lý trị liệu theo từng lĩnh vực hẹp của ngành Vật lý trị liệu hoặc theo hướng phát triển qua một ngành thứ 2 khác. Sự khác biệt về nội dung đào tạo giữa các chuyên ngành nằm trong giới hạn tỷ lệ % kiến thức chung của ngành theo

các quy định hiện hành và chương trình hội nhập về phân định kiến thức giữa ngành và chuyên ngành.

- Bổ sung thêm một số học phần thuộc ngành Vật lý trị liệu đồng thời tăng thêm thời lượng cho một số học phần Vật lý trị liệu đã có. Và/hoặc bố trí các nội dung lựa chọn khá tự do, liên quan tới nhiều ngành đào tạo nhưng xét thấy có lợi cho việc mở rộng năng lực hoạt động của sinh viên sau tốt nghiệp.

Phần nội dung chương trình bổ trợ, tùy theo đặc điểm riêng của mỗi trường mà xây dựng phần đặc thù của trường mình. Danh sách các học phần bổ trợ do từng cơ sở đào tạo quyết định và có thể được bổ sung, thay đổi theo từng khoá học. (Tham khảo phụ lục).

4.3. Thực tập, thực hành lâm sàng, thực tế tại cộng đồng

4.3.1. Thực tập tại phòng thí nghiệm và phòng thực hành tiền lâm sàng:

Tổ chức thực hiện thực tập tại các phòng thí nghiệm và phòng thực tập tiền lâm sàng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế. Tùy theo yêu cầu của nghề nghiệp và trên nguyên tắc đảm bảo mục tiêu và chất lượng đào tạo, trường có thể quy định điểm kết thúc mỗi môn học/ học phần là điểm độc lập (lý thuyết, thực tập riêng) hoặc là điểm tổng hợp của điểm lý thuyết và điểm thực tập nhưng từng phần đều phải đạt.

4.3.2. Thực hành lâm sàng

Sinh viên đi thực hành bệnh viện sau khi đã làm được một số kỹ thuật cơ bản. Nên sắp xếp đưa sinh viên đi thực hành bệnh viện càng sớm càng tốt, thường bắt đầu vào học kỳ IV hoặc V và bố trí 5 buổi/ tuần.

Thực hành lâm sàng tại các cơ sở y tế được Bộ Y Tế công nhận, gồm bệnh viện tuyến Trung Ương, Thành phố, Tỉnh, Quận, Huyện.

4.3.3. Thực tế tại cộng đồng

Cơ sở thực hành của nhà trường tại cộng đồng, cơ sở y tế tại các địa phương.

Để tăng cường hiệu quả các buổi thực hành, thực tập trường phân công giảng viên theo dõi, giám sát các hoạt động của sinh viên, kết hợp với các giảng viên kiêm nhiệm tại cơ sở để giảng dạy và tổ chức thi kiểm tra.

4.4. Thực tế tốt nghiệp và thi tốt nghiệp

4.4.1. Thực tế tốt nghiệp.

Tại gia đình người khuyết tật, tại các tuyến cơ sở y tế (thôn/ ấp, xóm, xã, huyện) có chương trình PHCN tại cộng đồng thuộc khu vực mà nhà trường được phép quản lý.

4.4.2. Thi tốt nghiệp

Theo quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thời gian ôn thi và làm khóa luận tốt nghiệp theo quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thời gian thi tốt nghiệp theo quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Hình thức thi: có hai hình thức

+ Khóa luận tốt nghiệp

+ Thi lý thuyết, thi thực hành

4.5. Điều kiện tối thiểu để đào tạo ngành Vật lý trị liệu

Để đào tạo ngành Vật lý trị liệu, ngoài việc đảm bảo các yêu cầu và điều kiện mà trường đại học phải đáp ứng để đạt tiêu chuẩn chung về chất lượng giáo dục đại học và tiêu chuẩn đặc thù về chất lượng đào tạo nhân lực y tế trình độ đại học, các trường còn phải đảm bảo các điều kiện tối thiểu sau:

4.6.1. Tổ chức: Các Khoa/ Bộ môn của ngành tối thiểu phải có:

- Bộ/Tổ môn các môn học cơ sở chuyên ngành VLTL.

- Bộ/Tổ môn giải phẫu chức năng.

- Bộ/Tổ môn Vật lý trị liệu lâm sàng.

- Bộ/Tổ môn thực tập bệnh viện và thực tập cộng đồng

4.6.2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị:

Mỗi học phần/ môn học chuyên ngành phải có ít nhất 01 phòng thực hành và 01 phòng thực hành kỹ năng chung (skills lab) bao gồm:

- Phòng thực tập vận động trị liệu.
- Phòng thực tập điện trị liệu.
- Phòng thực tập thủy trị liệu.
- Phòng thực hành kỹ năng tiền lâm sàng (skills lab.)
- Phòng vi tính có nối mạng
- Phòng thư viện có sách chuyên ngành Vật lý trị liệu/ PHCN

4.6.3. Đội ngũ giảng viên cơ hữu của ngành học:

Đủ số giảng viên cơ hữu theo đúng quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Bùi Văn Ga

PHỤ LỤC

Đề xuất danh mục một số học phần bổ trợ

TT	TÊN MÔN HỌC/HỌC PHẦN	TỔNG SỐ ĐVHT	PHÂN BỐ ĐVHT	
			LT	TH
1.	Phương pháp Nghiên cứu khoa học (thực hành ứng dụng các phần mềm để xử lý)	2	0	2
2.	Quá trình phát triển con người	3	2	1
3.	VLTL cho người bị cắt cụt chi & dụng cụ chỉnh hình	4	2	2
4.	VLTL hô hấp cho nhi sơ sinh	4	1	3
5.	Chẩn đoán hình ảnh	2	1	1
6.	Kỹ năng giao tiếp ngành VLTL	2	2	0
7.	Vệ sinh – An toàn thực phẩm	2	2	0
8.	Thực tập lâm sàng - VLTL hệ tim mạch - hô hấp	4	0	4
9.	Thực tập lâm sàng -VLTL cơ xương	4	0	4
10.	Thực tập lâm sàng –VLTL nhi khoa	4	0	4
11.	Thực tập lâm sàng - VLTL thần kinh –cơ	4	0	4
12.	Thực tập lâm sàng - VLTL cho BN cắt cụt chi – bàn chân cho người đái tháo đường	4	0	4
13.	Thực tập lâm sàng - VLTL cho sản phụ trước và sau khi sinh và các vấn đề đau của sản phụ.	3	0	3
14.	Thực tập cộng đồng PHCN dựa vào cộng đồng	4	0	4
15.	Nhà nước và pháp luật	2	2	0
Tổng cộng		48	12	36